

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 27/2025/HSST
Ngày: 20/02/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoàng

Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoá, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2025/TLST – HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Th, Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1995 tại Gia Lai; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: L P, xã B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Jarai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông K V, sinh năm 1974 và bà T, sinh năm 1970 (Đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: 01 lần (Ngày 27/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự), tại Bản án số 55/2020/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, tỉnh Gia Lai. Ngày 09/6/2023, chấp hành xong hình phạt tù); Tiền sự: Không.

Bị cáo Th bị tạm giữ từ ngày 21/10/2024 đến ngày 24/10/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.P. (Có mặt)

Người tham gia tố tụng khác:

Người phiên dịch: Ông G, sinh năm 1986. Địa chỉ: L Ch 1, phường T L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1950. Địa chỉ: 313 đường T Đ T, Thôn 03, xã B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Th là người đã bị kết án về tội: “*Trộm cắp tài sản*” nhưng chưa được xóa án tích. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/10/2024, Th đi bộ trên đường T Đ Th, thành phố P, mục đích tìm nhà dân để sơ hở tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi đến tiệm bán thuốc tây Vân ở số 313 đường T Đ Th, Thôn 03, xã B H, thành phố P, do ông Nguyễn Hữu C (sinh năm 1950, trú địa chỉ trên) làm chủ; Th phát hiện thấy cửa tiệm đã đóng cửa, không có người trông coi nên Th đi vòng ra phía sau, trèo qua hàng rào lưới B40, rồi vào trong sân. Tại đây, Th thấy cửa sổ của tiệm được che đầy bằng chiếc máy may nên Th kéo chiếc máy may sang 01 bên rồi dùng tay kéo, giật làm bung, gãy khung kim loại của sổ. Sau đó, Th chui qua cửa sổ vào bên trong tiệm, lục tìm trong ngăn tủ đựng thuốc tây, thấy có tiền nên Th lấy toàn bộ số tiền này bỏ vào túi quần, rồi theo lối cũ đi ra ngoài. Khi về đến nhà, Th lấy tiền vừa chiếm đoạt được tại tiệm thuốc tây Vân ra đếm thì được 283.000 đồng (hai trăm tám mươi ba nghìn đồng). Số tiền này, Th đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với ông Nguyễn Hữu C, vào tối ngày 18/10/2024, ông C ngủ tại tiệm, đến khoảng 05 giờ ngày 19/10/2024, ông C dậy thì phát hiện cửa sổ bị cạy phá, kiểm tra trong học tủ đựng thuốc tây thì bị phát hiện mất số tiền khoảng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên ông C đến Công an xã B H trình báo sự việc và giao nộp 01 đoạn Clip được trích xuất từ camera quan sát của gia đình ghi lại hình ảnh Th đột nhập vào tiệm thuốc tây của ông C. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Công an xã B H đã tiến hành ghi nhận hiện trường nơi xảy ra vụ việc trên. Qua rà soát các đối tượng hình sự trên địa bàn mới chấp hành án xong, ngày 21/10/2024, Công an xã B H mời Th đến làm việc thì Th đã đầu thú và khai nhận thực hiện hành vi đột nhập vào tiệm thuốc tây Vân trộm cắp 283.000 đồng của ông C vào đêm ngày 18/10/2024. Vụ việc trên được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để điều tra theo thẩm quyền. Đối với đoạn Clip được trích xuất từ Camera quan sát, ghi lại hình ảnh đối tượng đột nhập vào nhà ông Cảnh ngày 19/10/2024, được lưu vào đĩa CVD, Cơ quan điều tra lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 03 tháng 01 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Thử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Th mức án từ 9 tháng tù đến 1 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Phản bồi thường dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không xem xét.

Truy thu số tiền 283.000 đồng do bị cáo Thử phạm tội mà có sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Thử đã bị kết án về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng chưa được xóa án tích. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/10/2024, lợi dụng đêm khuya, vắng người nên Th đã có hành vi lén lút đột nhập vào tiệm bán thuốc tây V ở số 313 đường T Đ Th, Thôn 03, xã B H, thành phố P, do ông Nguyễn Hữu C làm chủ trộm cắp 283.000 đồng (hai trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đến 18 giờ ngày 21/10/2024, T đến Công an xã B H, thành phố P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bị cáo Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý. Hành vi lén lút chiếm đoạt 283.000 đồng của người khác nhưng đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” và chưa được xóa án tích do bị cáo Th thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án “*Trộm cắp tài sản*”, hành vi của bị cáo được xác định là tội phạm ít nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt.

Bị cáo Th có nhân thân xấu đã bị kết án hai lần về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không

lớn, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng” nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về dân sự: Ông Nguyễn Hữu C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[8] Về vật chứng: Đối với số tiền 283.000 đồng bị cáo chiếm đoạt được do hành vi phạm tội và đã tiêu xài cá nhân hết, do đó truy thu buộc bị cáo Th nộp số tiền 283.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sung công quỹ nhà nước

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Th 9 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 21/10/2024.
3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự
Truy thu buộc bị cáo Th nộp số tiền 283.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sung công quỹ nhà nước.
4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Xử buộc bị cáo Th phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- Công an TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Đình Hoảng

Doãn Thị Lệ

Nguyễn Thị Hồng Thắm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Đình Hoàng

Doãn Thị Lệ

Nguyễn Thị Hồng Thắm

